

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HS-ST
Ngày 05/3/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hưng.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan A, Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2025/HS-ST ngày 12/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST-HS ngày 21/2/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Tô Anh D, sinh ngày 16/12/1991, tại thành phố Hải Phòng.

Nơi cư trú: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Tô Văn D1, sinh năm 1967 và con bà Hoàng Thị M, sinh năm 1971; Bị cáo có vợ là chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1999; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2023; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/9/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị T1, sinh năm 1992. Trú tại: Buôn M, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, trú tại số A đường V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc D2, sinh năm 1985, trú tại: Buôn M, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

4. Chị Trần Thị N, sinh năm 1975, trú tại số A đường P, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Chị Đặng Thị Kim L, sinh năm 1976, trú tại buôn K, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

6. Chị Tô Minh T2, sinh năm 2006, trú tại A, Ngõ G, đường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7/2024, thông qua mạng xã hội Facebook, Tô Anh D sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 11, màu đen; gắn 02 sim thuê bao số 0792.339.655 và 0797.366.37, đăng nhập tài khoản facebook tên “Góp Ngày Buôn M1 - Đ”, đăng tải thông tin cho vay tiền. Khi có người liên hệ vay tiền, D hướng dẫn kết bạn zalo qua số điện thoại 0568398831, tên tài khoản là “Hùng Dũng” để thỏa thuận, thống nhất về việc cho vay. D sử dụng xe mô tô, nhãn hiệu Vision, màu trắng, biển kiểm soát 95E1- 630.44, đi đến nhà của người vay để xác minh lai lịch, khả năng trả nợ. Khi cho vay tiền, D yêu cầu người vay ký vào giấy vay tiền mà D đã chuẩn bị từ trước và giữ giấy tờ tùy thân của người vay như: Căn cước công dân, giấy phép lái xe, giấy chứng nhận kết hôn,... Sau đó, D sử dụng tài khoản số 3281147528, ngân hàng B, tên chủ tài khoản Tô Minh T2, để chuyển tiền cho người vay, đồng thời nhận tiền góp của người vay. Số tiền D cho vay dao động từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/01 người/01 lần vay, thời hạn vay từ 19 ngày đến 21 ngày, người vay phải trả tiền gốc, lãi suất 451,9%/ 01 năm đến 512,3%/ 01 năm và thu tiền phí của người vay 10% tổng số tiền vay. Số tiền thu lợi từ các lần cho vay trả góp, D sử dụng để cho người khác vay và tiêu xài cá nhân.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 7/2024 đến tháng 9/2024, tại địa bàn thành phố B, Tô Anh D thực hiện hành vi cho 05 người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Chị Lê Thị T1, vay 05 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 19/7/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 500.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 238.095 đồng, tiền lãi là 61.905 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, T1 đã trả đủ 21 ngày với số tiền 6.300.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 57.534 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 1.742.466 đồng.

Lần 2: Đầu tháng 8/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 500.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 238.095 đồng, tiền lãi là 61.905 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, T1 đã trả đủ 21 ngày với số tiền 6.300.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 57.534 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 1.742.466 đồng.

Lần 3: Giữa tháng 8/2024, vay số tiền 7.000.000 đồng, phí vay là 700.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 86.667 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, T1 đã trả đủ 21 ngày với số tiền 8.820.000 đồng, trong đó 7.000.000 đồng tiền gốc và 1.820.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 80.548 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 2.439.452 đồng.

Lần 4: Cuối tháng 8/2024, vay số tiền 7.000.000 đồng, phí vay là 700.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 333.333 đồng, tiền lãi là 86.667 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, T1 đã trả đủ 21 ngày với số tiền 8.820.000 đồng, trong đó 7.000.000 đồng tiền gốc và 1.820.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 80.548 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 2.439.452 đồng.

Lần 5: Ngày 04/9/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, phí vay là 1.000.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 476.190 đồng, tiền lãi là 123.810 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, T1 đã trả được 09 ngày với số tiền 5.400.000 đồng, trong đó 4.285.714 đồng tiền gốc và 1.114.286 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 49.315 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 2.064.971 đồng.

Tổng số tiền D cho chị T1 vay là 34.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật là 325.479 đồng, thu lợi bất chính của chị T1 là 10.428.807 đồng (trong đó có 3.400.000 đồng tiền phí vay).

2. Chị Nguyễn Thị H, vay 02 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 25/7/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 500.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 238.095 đồng, tiền lãi là 61.905 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, H đã trả đủ 21 ngày với số tiền 6.300.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 57.534 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 1.742.466 đồng.

Lần 2: Đầu tháng 8/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 500.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 238.095 đồng, tiền lãi là 61.905 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, H đã trả đủ 21 ngày với số tiền 6.300.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 57.534 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 1.742.466 đồng.

Lần 3: Giữa tháng 8/2024, vay số tiền 6.000.000 đồng, phí vay là 600.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 285.714 đồng, tiền lãi là 74.286 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, H đã trả đủ 21 ngày với số tiền 7.560.000 đồng, trong đó 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.560.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước 69.041 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 2.090.959 đồng.

Lần 4: Cuối tháng 8/2024, vay số tiền 6.000.000 đồng, phí vay là 600.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 285.714 đồng, tiền lãi là 74.286 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, H đã trả đủ 21 ngày với số tiền 7.560.000 đồng, trong đó 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.560.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước 69.041 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 2.090.959 đồng.

Lần 5: Ngày 02/9/2024, vay số tiền 6.000.000 đồng, phí vay là 600.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 285.714 đồng, tiền lãi là 74.286 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ năm). Khoản vay này, H đã trả được 09 ngày với số tiền 3.240.000 đồng, trong đó 2.571.429 đồng tiền gốc và 668.571 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 29.589 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 1.238.982 đồng.

Tổng số tiền D cho chị H vay là 28.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật là 282.739 đồng, thu lợi bất chính số tiền 8.905.832 đồng (trong đó có 2.800.000 đồng tiền phí vay).

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc D2, vay 05 lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 16/7/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 500.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 238.095 đồng, tiền lãi là 61.905 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, H đã trả đủ 21 ngày với số tiền 6.300.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 57.534 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 1.742.466 đồng.

Lần 2: Cuối tháng 7/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 500.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 238.095 đồng, tiền lãi là 61.905 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, H đã trả đủ 21 ngày với số tiền 6.300.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 57.534 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 1.742.466 đồng.

Lần 3: Giữa tháng 8/2024, vay số tiền 6.000.000 đồng, phí vay là 600.000 đồng. Thời hạn vay 19 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 315.790 đồng, tiền lãi là 84.210 đồng (tương ứng lãi suất 512,3%/ 01 năm). Khoản vay này, D2 đã trả đủ 19 ngày với số tiền 7.600.000 đồng, trong đó 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước 62.466 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 2.137.534 đồng.

Lần 4: Cuối tháng 8/2024, vay số tiền 6.000.000 đồng, phí vay là 600.000 đồng. Thời hạn vay 19 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 315.790 đồng, tiền lãi là 84.210 đồng (tương ứng lãi suất 512,3%/ 01 năm). Khoản vay này, D2 đã trả đủ 19 ngày với số tiền 7.600.000 đồng, trong đó 6.000.000 đồng tiền gốc và 1.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước 62.466 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 2.137.534 đồng.

Lần 5: Ngày 05/9/2024, vay số tiền 6.000.000 đồng, phí vay là 600.000 đồng. Thời hạn vay 19 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 315.790 đồng, tiền lãi là 84.210 đồng (tương ứng lãi suất 512,3%/ 01 năm). Khoản vay này, D2 đã trả đủ 06 ngày với số tiền 2.400.000 đồng, trong đó 1.894.737 đồng tiền gốc và 505.263 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước 19.726 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 1.085.537 đồng.

Tổng số tiền D cho chị D2 vay là 28.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật là 259.726 đồng, thu lợi bất chính số tiền 8.845.537 đồng (trong đó có 2.800.000 đồng tiền phí vay).

4. Chị Trần Thị N, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 13/7/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 500.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 238.095 đồng, tiền lãi là 61.905 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, H đã trả đủ 21 ngày với số tiền 6.300.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 57.534 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 1.742.466 đồng.

Lần 2: Đầu tháng 8/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, phí vay là 500.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 238.095 đồng, tiền lãi là 61.905 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, H đã trả đủ 21 ngày với số tiền 6.300.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.300.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 57.534 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 1.742.466 đồng.

Tổng số tiền D cho chị N vay là 10.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật là 115.068 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.484.932 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng tiền phí vay).

5. Chị Đặng Thị Kim L, vay 03 lần cụ thể:

Lần 1: Giữa tháng 7/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, phí vay là 1.000.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 476.190 đồng, tiền lãi là 123.810 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, L đã trả 21 ngày với số tiền 12.600.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 115.068 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 3.484.932 đồng.

Lần 2: Cuối tháng 7/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, phí vay là 1.000.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 476.190 đồng, tiền lãi là

123.810 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, L đã trả 21 ngày với số tiền 12.600.000 đồng, trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.600.000 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 115.068 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 3.484.932 đồng.

Lần 3: Ngày 23/8/2024, vay số tiền 15.000.000 đồng, phí vay là 1.500.000 đồng. Thời hạn vay 21 ngày, mỗi ngày đóng tiền gốc là 476.190 đồng, tiền lãi là 123.810 đồng (tương ứng lãi suất 451,9%/ 01 năm). Khoản vay này, L đã trả 18 ngày với số tiền 16.200.000 đồng, trong đó 12.857.143 đồng tiền gốc và 3.342.857 đồng tiền lãi. Lãi suất cao nhất theo quy định của Nhà nước là 147.945 đồng, nên D đã thu lợi bất chính số tiền 4.694.912 đồng.

Tổng số tiền D cho chị L vay là 35.000.000 đồng, tiền lãi theo quy định pháp luật là 378.081 đồng, thu lợi bất chính số tiền 11.664.776 đồng (trong đó có 3.500.000 đồng tiền phí vay).

Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKS-HS ngày 11/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Tô Anh D về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, những lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, không bị ép cung nhục hình gì.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra là khách quan, đầy đủ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Tô Anh D mức án tù 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: xử phạt bị cáo từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 11, màu đen, gắn 02 sim thuê bao số 0792.339.655 và 0797.366.373, là tài sản của bị cáo Tô Anh D, sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên đề nghị tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 05 giấy vay không thể hiện nội dung cho vay tiền, bên góc dưới bên phải, mục ĐẠI DIỆN BÊN B có chữ ký của những người vay. Đây là các giấy vay bị cáo Tô Anh D yêu cầu người vay phải ký khi vay tiền, là vật chứng nên chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ công tác xét xử.

Đối với 05 căn cước công dân tên Đặng Thị Kim L, Trần Thị N, Nguyễn Thị Ngọc D2, Nguyễn Thị H, Lê Thị T1. Quá trình điều tra xác định là giấy tờ tùy thân của chị Đặng Thị Kim L; chị Trần Thị N; chị Nguyễn Thị Ngọc D2; chị Nguyễn Thị

H; chị Lê Thị T1, bị cáo Tô Anh D giữ khi cho vay tiền, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, trả lại cho chị Đặng Thị Kim L, chị Trần Thị N, chị Nguyễn Thị Ngọc D2, chị Nguyễn Thị H, chị Lê Thị T1, nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vison, màu trắng đen, biển kiểm soát 95E1-630.44, là phương tiện bị cáo Tô Anh D sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định, bị cáo D mua chiếc xe mô tô trên từ cửa hàng xe máy tại thành phố Cần Thơ, do anh Huỳnh Văn Ú đứng tên chủ sở hữu. Quá trình xác minh, hiện nay anh Ú không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với anh Ú để làm rõ nguồn gốc xe mô tô trên nên quyết định tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với số tiền 43.329.884 đồng, trong đó: Chị Lê Thị T1 số tiền 10.428.807 đồng, chị Nguyễn Thị H số tiền 8.905.832 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc D2 số tiền 8.845.537 đồng, chị Trần Thị N số tiền 3.484.932 đồng, chị Đặng Thị Kim L số tiền 11.664.776 đồng. Quá trình điều tra xác định, là tiền bị cáo Tô Anh D thu lợi bất chính của những người vay, nên buộc bị cáo D hoàn trả lại cho chị Lê Thị T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ngọc D2, Trần Thị N, Đặng Thị Kim L.

Đối với số tiền 15.390.977 đồng, là tiền gốc những người vay còn nợ lại bị cáo trong đó: Chị Lê Thị T1 số tiền 5.714.286 đồng, chị Nguyễn Thị H số tiền 3.428.571 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc D2 số tiền 4.105.263 đồng và chị Đặng Thị Kim L số tiền 2.142.857, nên đề nghị truy thu của chị Lê Thị T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Ngọc D2, Đặng Thị Kim L, để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 135.000.000 đồng tiền gốc và 1.361.096 đồng tiền lãi cao nhất theo quy định của Nhà nước. Quá trình điều tra xác định, đây là phương tiện bị cáo Tô Anh D sử dụng phạm tội và khoản tiền do bị cáo Tô Anh D phạm tội mà có, nên đề nghị truy thu sung Ngân sách Nhà nước của bị cáo Tô Anh D số tiền 136.361.096 đồng, khấu trừ số tiền 15.390.977 đồng (là tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo D), bị cáo D còn bị truy thu số tiền 121.052.119 đồng.

Trong vụ án này, đối với chị Tô Minh T2 là người đứng tên tài khoản Ngân hàng BIDV số 3281147528, là em gái của bị cáo. Chị T2 giao tài khoản trên cho bị cáo D sử dụng. Chị T2 không biết việc D sử dụng tài khoản ngân hàng trên để thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, không đề cập xử lý là phù hợp.

Bị cáo đồng ý với lời luận tội và không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước và xin Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa về cơ bản là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo do ý thức coi thường pháp luật nên từ tháng 7/2024 đến tháng 9/2024, tại địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Tô Anh D đã dùng số tiền gốc là 135.000.000 đồng để cho 05 người vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để thu lợi bất chính, theo hình thức trả góp với lãi suất từ 451,9%/ 01 năm đến 512,3%/ 01 năm, vượt quá 5 lần so với lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định, thu lợi bất chính tổng số tiền 43.329.884 đồng là phạm tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Điều 201 Bộ Luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm;”

[3]. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng việc cho người khác vay tiền và áp đặt mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên là phạm tội. Nhưng vì động

cơ vụ lợi nên từ tháng 7/2024 đến tháng 9/2024, tại địa bàn thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Tô Anh D đã cho 05 người vay lãi nặng trọng giao dịch dân sự để thu lợi bất chính với tổng số tiền gốc cho vay là 135.000.000 đồng, theo hình thức trả góp với lãi suất từ 451,9%/ 01 năm đến 512,3%/ 01 năm, vượt quá 05 lần so với lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định, thu lợi bất chính tổng số tiền 43.329.884 đồng. Cho nên đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội. Có như vậy, mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có ông nội là Tô Văn R là người có công với cách mạng.

Đây là, những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo D số tiền 50.000.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 11, màu đen, gắn 02 sim thuê bao số 0792.339.655 và 0797.366.373, là tài sản của bị cáo Tô Anh D, sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 05 giấy vay không thể hiện nội dung cho vay tiền, bên góc dưới bên phải, mục ĐẠI DIỆN BÊN B có chữ ký của những người vay. Đây là các giấy vay bị cáo Tô Anh D yêu cầu người vay phải ký khi vay tiền, là vật chứng nên chuyển theo hồ sơ vụ án để phục vụ công tác xét xử.

Đối với 05 căn cước công dân tên Đặng Thị Kim L, Trần Thị N, Nguyễn Thị Ngọc D2, Nguyễn Thị H, Lê Thị T1. Quá trình điều tra xác định là giấy tờ tùy thân của chị Đặng Thị Kim L; chị Trần Thị N; chị Nguyễn Thị Ngọc D2; chị Nguyễn Thị H; chị Lê Thị T1, bị Tô Anh D giữ khi cho vay tiền, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, trả lại cho chị Đặng Thị Kim L, chị Trần Thị N, chị Nguyễn Thị Ngọc D2, chị Nguyễn Thị H, chị Lê Thị T1, nhận quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vison, màu trắng đen, biển kiểm soát 95E1-630.44, là phương tiện bị cáo Tô Anh D sử dụng thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định, bị cáo D mua chiếc xe mô tô trên từ cửa hàng xe máy tại thành phố Cần Thơ, do anh Huỳnh Văn Ú đứng tên chủ sở hữu. Quá trình xác minh, hiện nay anh Ú không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra chưa làm việc được với anh Ú để làm rõ nguồn gốc xe mô tô trên nên quyết định tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với số tiền 43.329.884 đồng là tiền bị cáo D thu lợi bất chính cần trả lại cho những người vay tiền, cụ thể: Trả lại cho chị Lê Thị T1 số tiền 10.428.807 đồng, cho chị Nguyễn Thị H số tiền 8.905.832 đồng, cho chị Nguyễn Thị Ngọc D2 số tiền

8.845.537 đồng, cho chị Trần Thị N số tiền 3.484.932 đồng và cho chị Đặng Thị Kim L số tiền 11.664.776 đồng.

Truy thu số tiền nợ gốc của những người vay tiền đã vay, chưa trả cho bị cáo D để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Chị Lê Thị T1 số tiền 5.714.286 đồng, chị Nguyễn Thị H số tiền 3.428.571 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc D2 số tiền 4.105.263 đồng và chị Đặng Thị Kim L số tiền 2.142.857 đồng.

Truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo D số tiền 136.361.096 đồng, khấu trừ số tiền 15.390.977 đồng (là tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo D), bị cáo D còn bị truy thu số tiền 121.052.119 đồng.

Trong vụ án này, đối với chị Tô Minh T2 là người đứng tên tài khoản Ngân hàng BIDV số 3281147528, là em gái của bị cáo Tô Anh D. Chị T2 giao tài khoản trên cho bị can D sử dụng. Chị T2 không biết việc D sử dụng tài khoản ngân hàng trên để thực hiện hành vi phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, không đề cập xử lý là phù hợp.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 36, khoản 1, khoản 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Tô Anh D phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Tô Anh D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 13/9/2024 đến ngày 19/9/2024, thời gian còn lại phải chấp hành là 01 (một) năm 05 (năm) tháng 12 (mười hai) ngày (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ).

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự cấp có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Tô Anh D cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Tô Anh D 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Tô Anh D.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Của bị cáo Tô Anh D 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 11, màu đen, gắn 02 sim thuê bao số 0792.339.655 và 0797.366.373.

Chuyển lựa theo hồ sơ vụ án: 05 giấy vay không thể hiện nội dung cho vay tiền, bên góc dưới bên phải, mục ĐẠI DIỆN BÊN B có chữ ký của những người vay là vật chứng của vụ án. (Đặc điểm, khối lượng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án thành phố Buôn Ma Thuột ngày 28/02/2025).

Truy thu số tiền nợ gốc của những người vay tiền đã vay, chưa trả cho bị cáo Tô Anh D để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Chị Lê Thị T1 số tiền 5.714.286 đồng, chị Nguyễn Thị H số tiền 3.428.571 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc D2 số tiền 4.105.263 đồng và chị Đặng Thị Kim L số tiền 2.142.857 đồng.

Truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo Tô Anh D số tiền 136.361.096 đồng, khấu trừ số tiền 15.390.977 đồng (là tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo D), bị cáo Tô Anh D còn bị truy thu số tiền 121.052.119 đồng.

Buộc bị cáo Tô Anh D trả lại trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay, cụ thể: Trả lại cho chị Lê Thị T1 số tiền 10.428.807 đồng, cho chị Nguyễn Thị H số tiền 8.905.832 đồng, cho chị Nguyễn Thị Ngọc D2 số tiền 8.845.537 đồng, cho chị Trần Thị N số tiền 3.484.932 đồng và cho chị Đặng Thị Kim L số tiền 11.664.776 đồng.

Truy thu số tiền nợ gốc của những người vay tiền đã vay, chưa trả cho bị cáo D để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Chị Lê Thị T1 số tiền 5.714.286 đồng, chị Nguyễn Thị H số tiền 3.428.571 đồng, chị Nguyễn Thị Ngọc D2 số tiền 4.105.263 đồng và chị Đặng Thị Kim L số tiền 2.142.857 đồng.

Truy thu sung ngân sách nhà nước từ bị cáo D số tiền 136.361.096 đồng, khấu trừ số tiền 15.390.977 đồng (là tiền gốc những người vay còn nợ bị cáo D), bị cáo D còn bị truy thu số tiền 121.052.119 đồng.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B trả lại căn cước công dân tên cho chị Đặng Thị Kim L, chị Trần Thị N, chị Nguyễn Thị Ngọc D2, chị Nguyễn Thị H và chị Lê Thị T1 nhận quản lý, sử dụng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Tô Anh D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. BMT;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (PV06);
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Đình Thanh